

*Trường Trung Học Kiên Tân
Kiên Giang*

*Sổ Điểm
Hàng Tháng*

NIÊN KHOÁ
1966-1967

NIÊN KHOÁ
1966-1967

Sổ Điểm
Hàng Tháng

Trường Trung Học Kiên Tân
Kiên Giang

NIÊN KHOA: 1966-1967
THÁNG: Chín (9), 1966
LỚP: Đe Tự B

NIÊN KHOA: 1966-1967
THÁNG: Chín (9), 1966
LỚP: Địa Tư B

TRƯỜNG TRUNG HỌC KIÊN TÂN
KIÊN GIANG

	TÊN & HỌ	5	6	7	8	9	10	CN	12	13	14	15	16	17	CN	18
1																
2																
3																
4																
5																
6	Nguyễn Văn Chung	12	12	12	11	10	13	-	15	10	11	13	12	12	-	1
7																
8																
9	Nguyễn Văn Cường	12	12	12	10	11	12	-	14	10	11	12	11	12	-	9
10	Vũ Huy Cường	10	11	9	9	10	11	-	12	9	9	11	10	11	-	
11																
12																
13	Khánh Tân Dũng	11	12	11	10	10	11	-	11	10	10	11	11	12	-	1
14																
15	Nguyễn Văn Đức	14	15	14	15	15	15	-	14	15	14	15	15	15	-	1
16																
17																
18																
19	Nguyễn Văn Hai	11	12	10	11	12	11	-	12	11	12	12	11	10	-	1
20																
21																
22																
23	Lê Văn Hồng	12	12	12	12	13	11	-	13	11	12	11	12	11	-	1
24																
25																
26																
27	Lý Thị Như Lan	13	14	13	14	14	14	-	13	14	15	13	14	15	-	
28																
29																
30	Nguyễn Văn Lý	10	11	11	10	11	12	-	12	11	10	11	12	10	-	1
31																
32	Lê Thị Tuyết Nga	10	11	11	10	10	9	-	9	10	9	11	10	9	-	1
33																
34																
35																
36	Huỳnh Tân Song	11	11	11	12	12	12	-	11	12	11	10	12	12	-	
37	Ngô Văn Sáu	10	10	10	9	9	9	-	9	10	9	10	9	10	-	
38	Trần Văn Tâm	16	16	15	16	16	15	-	16	16	15	16	16	16	-	
39	Cao Đăng Tân	11	11	10	11	9	9	-	9	10	11	9	9	9	-	
40	Trần Thị Thanh	10	11	10	11	10	11	-	11	10	10	10	10	10	-	
41	Phạm Viên Thiêu	11	12	11	10	9	9	-	9	10	10	10	9	9	-	
42	Trần Văn Tiến	10	11	10	11	10	10	-	10	9	9	9	9	9	-	
43	Lê Văn Tĩnh	11	12	11	10	10	10	-	10	10	9	10	9	10	-	
44	Nguyễn Văn Tĩnh	10	11	11	10	9	9	-	10	9	9	9	9	10	-	
45	Phạm Văn Tĩnh	11	10	10	10	11	10	-	9	9	10	10	10	9	-	
46	Lương Văn Toại	12	13	12	13	13	12	-	12	13	12	13	12	13	-	
47	Tấn Văn Tuyên	11	10	10	10	11	11	-	11	12	11	10	10	11	-	
48	Huỳnh Cẩm Tuyết	11	12	12	12	13	12	-	12	13	13	14	12	13	-	
49																
50	Đặng Thị út	12	12	12	13	13	13	-	12	12	13	13	12	14	-	
51																
52																
53																

18	19	20	21	22	23	24	CN	25	26	27	28	29	30	CN	Tổng Bảng	Hạng	Ghi chú
11	11	12	12	10	10	11	-	10	11	10	12	12	-	11,50			
10	10	11	11	9	9	10	-	9	10	9	11	11	-	10,8			
9	9	10	11	9	9	9	-	9	9	9	10	10	-	9,8	*		Dưới trung bình
10	10	11	10	10	10	10	-	10	11	10	11	10	-	10,5			
16	15	15	15	16	15	15	-	15	15	15	14	15	-	14,9	2/50		
10	10	11	12	11	12	11	-	12	12	11	11	12	-	11,3			
12	12	12	13	12	11	12	-	13	13	11	11	13	-	12,0			
14	15	15	15	14	14	15	-	13	14	13	15	13	-	14,0	3/50		
11	12	11	11	10	12	12	-	11	11	10	11	12	-	11,1			
9	10	11	12	10	11	10	-	10	10	11	10	10	-	10,1			
12	11	11	10	12	12	11	-	10	11	10	11	12	-	11,3			
9	10	9	10	10	9	9	-	9	9	10	11	10	-	9,5	48/50		
15	15	16	16	16	15	15	-	15	15	16	16	16	-	15,6	1/50		
9	10	11	10	9	9	9	-	9	9	9	9	9	-	9,6	45/50	*	Dưới trung bình
9	10	9	9	10	10	10	-	10	10	9	9	10	-	10,0			
10	9	9	9	10	9	9	-	9	9	9	10	9	-	9,6	45/50	*	Dưới trung bình
10	9	9	9	9	9	9	-	9	9	9	9	9	-	9,4	5/50	*	Dưới trung bình
9	10	9	10	9	10	9	-	10	10	11	10	10	-	10,0			
10	9	10	9	9	9	10	-	11	10	9	10	9	-	9,6	45/50	*	Dưới trung bình
10	11	10	10	10	10	10	-	10	11	10	11	10	-	10,1			
12	13	13	14	12	13	12	-	13	13	13	13	14	-	12,8			
11	10	12	12	12	12	12	-	12	12	10	10	12	-	11,0			
12	13	12	13	12	13	12	-	13	11	12	13	12	-	12,4			
13	12	13	12	13	12	13	-	12	13	12	13	13	-	12,6			

DANH SÁCH HỌC SINH

NIÊN KHOÁ: _____

THÁNG: _____

LỚP: _____

TRƯỜNG TRUNG HỌC KIÊN TÂN

KIÊN GIANG

